

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước
dân dụng (22821902)

Ngày thi: 24/08/2023

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D7-39

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

Thánh Đạt Nguyễn Thị Thảo Mai Văn Thảo Đỗ Thị Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050007	Nguyễn Duy Tân	20/01/2004	CCQ2205A	1	Đen	9.0	8.5	8.7
2	2122050107	Lê Thanh Thái	24/07/2002	CCQ2205D					
3	2122050027	Nguyễn Thành Thái	13/04/2004	CCQ2205A	1	thơ	9.0	7.5	8.1
4	2122050051	Tô Đình Thành	18/06/2004	CCQ2205B	1	thư	8.5	5.0	6.4
5	2122170536	Đào Huỳnh Xuân Thiện	21/08/2004	CCQ2205D					
6	2122050124	Võ Đức Thịnh	12/12/2004	CCQ2205D	1	thư	5.3	8.5	7.2
7	2122050030	Khê Như Thuần	13/09/2004	CCQ2205A	1	thư	8.5	5.5	6.7
8	2122050019	Nguyễn Văn Minh Thuận	12/3/2004	CCQ2205A	1	thư	9.0	6.0	7.2
9	2122050084	Võ Văn Minh Thuận	29/06/2004	CCQ2205C	1	thư	5.0	8.0	6.8
10	2122050021	Phạm Văn Thiện Thuật	19/01/2001	CCQ2205A	1	thư	9.0	4.0	6.0
11	2122050081	Trương Lê Ngọc Tiên	6/11/2003	CCQ2205C	1	thư	9.8	7.5	6.4
12	2122170537	Phan Trần Phước Tiên	29/08/2004	CCQ2205D	1	thư	5.3	8.5	7.2
13	2122050006	Nguyễn Duy Tiên	9/1/2003	CCQ2205A	1	thư	8.3	9.0	5.7
14	2122050064	Vạn Trung Tín	5/10/2004	CCQ2205B			0.0		
15	2122050078	Lê Minh Tri	7/12/2004	CCQ2205C	1	thư	6.3	8.0	7.3
16	2122050066	Hồ Mạnh Trinh	27/03/2004	CCQ2205B	1	thư	8.3	5.5	6.6
17	2122050035	Đào Phú Minh Trịnh	11/4/2004	CCQ2205A	1	thư	8.3	7.0	7.5
18	2122050058	Đặng Minh Trọng	12/2/2004	CCQ2205B	1	thư	8.5	5.5	6.7
19	2122050074	Nguyễn Hữu Trọng	29/06/2003	CCQ2205C	1	thư	5.5	9.0	7.6
20	2122050025	Đặng Minh Trục	7/1/2004	CCQ2205A	1	thư	8.8	5.0	6.5
21	2122050085	Nguyễn Thành Trung	22/11/2004	CCQ2205C	1	thư	6.5	5.5	5.9
22	2122050111	Vô Thanh Trung	20/06/2004	CCQ2205D	1	thư	5.3	6.0	5.7
23	2122050014	Huỳnh Văn Trường	7/1/2004	CCQ2205A	1	thư	7.8	0.0	3.1
24	2122050114	Nguyễn Văn Trường	8/3/2004	CCQ2205B	1	thư	6.5	3.0	4.4
25	2122050095	Nguyễn Trung Tứ	24/02/2004	CCQ2205C					
26	2122050016	Hồ Minh Tuấn	22/08/2004	CCQ2205A	1	thư	7.3	0.0	2.9
27	2122050024	Nguyễn Văn Tuấn	24/08/2004	CCQ2205A	1	thư	7.0	5.0	5.8
28	2122050039	Lê Văn Tường	1/4/2004	CCQ2205B	1	thư	8.3	6.0	6.9

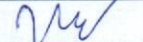
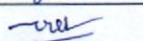
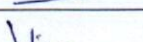
Hoc kỳ 3 (2022-2023)

Phòng thi: D7-39

Số SV có mặt: 29
Số bài thi: 29
Số tờ giấy thi: 29

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Thăng Đạt Nguyễn Thị Hoa Lê Văn Khoa Bùi Thị Hương

S/TT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122140015	Ngô Hoàng Việt	7/7/2004	CCQ2205A	1		8.8	6,5	7,1
30	2122050010	Nguyễn Quốc Việt	17/05/2004	CCQ2205A	1		8.5	5,5	6,7
31	2122050123	Nguyễn Văn Vin	1/4/2003	CCQ2205D	1		5,0	9,0	7,4
32	2122110207	Nguyễn Tri Tuấn	14/03/2004	CCQ2205B	1		8.0	5,0	6,2
33	2122050103	Trần Anh Vũ	8/5/2004	CCQ2205D	1		5,8	9,0	7,7
34	2122050145	Nguyễn Thanh Vương	24/08/2004	CCQ2205B			0.0		